

Bản án số: **149/2020/HS-PT**

Ngày 29/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Các Thẩm phán: Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 108/2020/TLHS - PT ngày 21/8/2020 đối với các bị cáo Hoàng Xuân P, Hoàng Xuân H, Lê Tuấn A do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 73/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Hoàng Xuân P - Sinh ngày: 15 tháng 9 năm 1971, tại Hà Nội; Nơi ĐKNKTT: thôn V, xã M, thị xã T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Xuân S (c) và bà Phùng Thị T (s); Có vợ là

Nguyễn Thị V và có 03 con (*con lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014*);

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Xuân H - Sinh ngày: 02 tháng 6 năm 1991, tại Hà Nội; Nơi ĐKNKTT: thôn V, xã M, thị xã T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Xuân K (c) và bà Phùng Thị H (s); Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Tuấn A - Sinh ngày: 21 tháng 9 năm 1996, tại Hà Nội; Nơi ĐKNKTT: thôn Đ 1, xã S, thị xã T, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (s) và bà Hoàng Thị T (s); Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Xuân P:** Ông Trần Bá H, sinh năm 1983, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Trần Bá H, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

***Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê Tuấn A:** Ông Dư Ngọc T, sinh năm 1990; Luật sư công ty Luật TNHH M, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 30/4/2018 đến ngày 9/6/2019, tại căn hộ số 608 Block 2.2 chung cư Nest Home, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Hoàng Xuân P, Lê Tuấn A, Hoàng Xuân H đã cho nhiều người dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng vay với số tiền mang vào Đà Nẵng để sử dụng cho vay lãi nặng khoảng gần 300.000.000 đồng. Đến thời điểm bị công an phát hiện trên sổ sách cho vay có 31 người với tổng số tiền 369.000.000 đồng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 243,33%/năm (tương đương 0,4%/ngày đến 0,66%/ngày), cao gấp từ 7-12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính từ việc cho vay

lãi nặng theo quy định tại Điều 201 BLHS với tổng cộng số tiền là 49.689.370 đồng. Ngoài ra còn nhiều người nữa đã vay tiền của các bị cáo nhưng đã bị xóa tên do những người này đã trả xong nợ và khi nghe tin các bị cáo Tuấn A và H bị công an phát hiện nên bị cáo P đã xóa hết dữ liệu theo dõi cho vay để tránh sự phát hiện của cơ quan công an mà không khôi phục được dữ liệu. Tuy nhiên theo lời khai của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được, có cơ sở xác định số tiền các bị cáo dùng vào việc cho vay, số tiền lãi thu lợi bất chính của các bị cáo trong hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ ngày 30/4/2018 đến 9/6/2019 như sau:

Số tiền trên sổ sách cơ quan điều tra thu giữ được của 31 người vay là 369.000.000 đồng, số tiền trả lương cho bị cáo Tuấn A là 100.000.000 đồng, số tiền lương của bị cáo H là 72.000.000 đồng, tiền thuê nhà 90.000.000 đồng, bị cáo Tuấn A chuyển cho chị cáo P là 185.000.000 đồng (trong số tiền này bị cáo P sử dụng 60.000.000 đồng trả lương cho bị cáo Tuấn A, dùng 42.000.000 đồng trả lương cho bị cáo H, sau khi bị công an phát hiện về tại Hà Nội). Như vậy tổng số tiền gốc và lãi trong hoạt động cho vay các bị cáo có được khi bị phát hiện là:

$396.000.000đ + 100.000.000đ + 72.000.000đ + 90.000.000đ + 185.000.000đ - (102.000.000đ \text{ phần trả lương cho bị cáo Tuấn A và H sau khi về Hà Nội}) = 714.000.000đ$. Trừ đi số tiền gốc ban đầu các bị cáo mang vào Đà Nẵng cho vay là 300.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi có được là 414.000.000 đồng trong thời gian 14 tháng từ 30/4/2018 đến 9/6/2019. Trong số tiền lãi này trừ đi lãi được phép giao dịch theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm, số tiền còn lại là lãi nặng vượt mức quy định, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền lãi trên:

$300.000.000đ (\text{tiền gốc}) \times 20\%/12 \text{ tháng} = 60.000.000 \text{ đồng}$.

$300.000.000đ \times 1,67\% \times 2 \text{ tháng} = 10.020.000 \text{ đồng}$.

Tổng lãi suất hợp pháp là 70.020.000 đồng.

Số tiền lãi thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là $414.000.000 \text{ đồng} - 70.020.000 \text{ đồng} = 343.980.000 \text{ đồng}$.

Tại Bản án sơ thẩm số: 73/2020/HS-ST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Xuân P, Lê Tuấn A, Hoàng Xuân H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt:

Căn cứ: khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Xuân P **02 (hai)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Đồng thời phạt bổ sung bị cáo P 30.000.000 đồng.

Căn cứ: khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Tuấn A **01 (một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Xuân H **01 (một)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 bị cáo Lê Tuấn A có đơn kháng cáo với nội dung: xin được hưởng án treo.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 bị cáo Hoàng Xuân H có đơn kháng cáo với nội dung: xin được hưởng án treo.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 bị cáo Hoàng Xuân P có đơn kháng cáo với nội dung: xin được hưởng án treo.

Ngày 4/8/2020 Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà kháng nghị một phần bản án HSST số 73/2020/HSST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà về việc đã tuyên các bị cáo Hoàng Xuân P, Hoàng Xuân H, Lê Tuấn A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS là không đúng. Đề nghị TAND thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Áp dụng khoản 1 Đ201 BLHS để tuyên phạt đối với các bị cáo Hoàng Xuân P, Hoàng Xuân H, Lê Tuấn A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Tại phiên tòa, đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng xin rút toàn bộ kháng nghị, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị HĐXX xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về nội dung: Đơn kháng cáo của các bị cáo đảm bảo đúng chủ thể, trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về kháng cáo của các bị cáo: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Hoàng Xuân P, Hoàng Xuân H, Lê Tuấn A thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng, tuy nhiên các bị cáo cho rằng mình vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự chứ không phải là khoản 2 Điều 201 đề nghị HĐXX xem xét nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Luật sư Trần Bá H người bào chữa cho bị cáo Hoàng Xuân P có quan điểm luận cứ bào chữa cho bị cáo như sau: Luật sư hoàn toàn thống nhất về tội danh và Điều luật mà cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo P cũng như bị cáo A và H nên không có tranh luận về tội danh và điều luật. Tuy nhiên, luật sư không thống nhất với quan điểm của đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng và tòa án cấp sơ thẩm về việc áp dụng khoản 2 Điều 201 BLHS để xử phạt đối với bị cáo mà phải là khoản 1 Điều 201 BLHS. Bởi lẽ:

Tại phiên tòa các bị cáo không thừa nhận tổng số tiền gốc và lãi thu lợi bất chính là 714.000.000 đồng. Theo Luật sư các bị cáo không xác định được lãi suất, cách tính lãi suất như thế nào, hơn nữa số tiền thuê nhà 90.000.000 đồng và số tiền 185.000.000 đồng mà bị cáo P dùng để trả lương cho bị cáo H và A là tiền của bị cáo, không lấy từ nguồn lãi cho vay...Luật sư cho rằng đặt giả thiết các bị cáo bị truy tố theo khoản 2 Điều 201 BLHS là đúng, số tiền đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo thì mức án mà tòa cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo cũng quá nặng, tại cấp phúc thẩm bị cáo P đã nộp số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ, không tình tiết tăng nặng nên cần bổ sung thêm khoản 2 điều 51 BLHS cho các bị cáo, theo đó các bị cáo có đủ điều kiện để hưởng án treo. Vì vậy, luật sư đều đề nghị HĐXX xem xét tuyên các bị cáo phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS và chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Hoàng Xuân P, Hoàng Xuân H, Lê Tuấn A đã khai nhận: Từ ngày 30/4/2018 đến ngày 9/6/2019, tại căn hộ số 608 Block 2.2. chung cư Nest Home, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng, Hoàng Xuân P, Lê Tuấn A, Hoàng Xuân H đã cho nhiều người dân trên địa bàn thành phố Đà Nẵng vay với số tiền mang vào Đà Nẵng để sử dụng cho vay lãi nặng khoảng gần 300.000.000 đồng. Đến thời điểm bị công an phát hiện trên sổ sách cho vay có 31 người với tổng số tiền 369.000.000 đồng với mức lãi suất từ 146%/năm đến

243,33%/năm (tương đương 0,4%/ngày đến 0,66%/ngày), cao gấp từ 7-12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng theo quy định tại Điều 201 BLHS với tổng cộng số tiền là 49.689.370 đồng. Ngoài ra còn nhiều người nữa đã vay tiền của các bị cáo nhưng đã bị xáo tên do những người này đã trả xong nợ và khi nghe tin các bị cáo Tuấn A và H bị công an phát hiện nên bị cáo P đã xóa hết dữ liệu theo dõi cho vay để tránh sự phát hiện của cơ quan công an mà không khôi phục được dữ liệu. Tuy nhiên theo lời khai của các bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được, có cơ sở xác định số tiền các bị cáo dùng vào việc cho vay, số tiền lãi thu lợi bất chính của các bị cáo trong hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự từ ngày 30/4/2018 đến 9/6/2019 như sau:

Số tiền trên sổ sách cơ quan điều tra thu giữ được của 31 người vay là 369.000.000 đồng, số tiền trả lương cho bị cáo Tuấn A là 100.000.000 đồng, số tiền lương của bị cáo H là 72.000.000 đồng, tiền thuê nhà 90.000.000 đồng, bị cáo Tuấn A chuyển cho chị cáo P là 185.000.000 đồng (trong số tiền này bị cáo P sử dụng 60.000.000 đồng trả lương cho bị cáo Tuấn A, dùng 42.000.000 đồng trả lương cho bị cáo H, sau khi bị công an phát hiện về tại Hà Nội). Như vậy tổng số tiền gốc và lãi trong hoạt động cho vay các bị cáo có được khi bị phát hiện là:

$396.000.000đ + 100.000.000đ + 72.000.000đ + 90.000.000đ + 185.000.000đ - (102.000.000đ \text{ phần trả lương cho bị cáo Tuấn A và H sau khi về Hà Nội}) = 714.000.000đ$. Trừ đi số tiền gốc ban đầu các bị cáo mang vào Đà Nẵng cho vay là 300.000.000 đồng. Như vậy số tiền lãi có được là 414.000.000 đồng trong thời gian 14 tháng từ 30/4/2018 đến 9/6/2019. Trong số tiền lãi này trừ đi lãi được phép giao dịch theo quy định tại Điều 468 BLDS là 20%/năm, số tiền còn lại là lãi nặng vượt mức quy định, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với số tiền lãi trên:

$300.000.000đ (\text{tiền gốc}) \times 20\%/12 \text{ tháng} = 60.000.000 \text{ đồng}$.

$300.000.000đ \times 1,67\% \times 2 \text{ tháng} = 10.020.000 \text{ đồng}$.

Tổng lãi suất hợp pháp là 70.020.000 đồng.

Số tiền lãi thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng là $414.000.000 \text{ đồng} - 70.020.000 \text{ đồng} = 343.980.000 \text{ đồng}$.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm số 73/2020/HSST ngày 20/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị

cáo Hoàng Xuân P, Hoàng Xuân H, Lê Tuấn A về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*" theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Sau khi xử sơ thẩm các bị cáo P, H, A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

[2]. Tại phiên tòa Đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng đã rút toàn bộ kháng nghị nên HĐXX không xem xét. Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị cáo, HĐXX thấy rằng: hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định của pháp luật là nghiêm trọng, tại cấp phúc thẩm bị cáo P nộp 30.000.000 đồng, bị cáo H nộp 10.000.000 đồng, bị cáo A nộp 10.000.000 đồng khắc phục hậu quả, tuy nhiên đây là khoản truy thu thu nhập bất chính nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới cho các bị cáo như đề nghị của Luật sư, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế Nhà nước, cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, bị xã hội lên án. Do đó cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với mức độ phạm tội của các bị cáo, xử phạt bị cáo P mức án 2 năm tù, bị cáo H 1 năm tù, bị cáo A 1 năm tù là phù hợp.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Các Bị cáo Hoàng Xuân H, Hoàng Xuân P, Lê Tuấn A phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Căn cứ vào:** Điểm a Khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hoàng Xuân P, Hoàng Xuân H, Lê Tuấn A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ: Căn cứ: khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Xuân P **02 (hai)** năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Tuấn A **01 (một)** năm tù về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ: khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Xuân H **01 (một)** năm tù về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về án phí: Buộc các bị cáo Hoàng Xuân P, Hoàng Xuân H, Lê Tuấn A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- VKSND quận Sơn Trà;
- CQCSĐT Công an quận Sơn Trà;
- Toà án nhân dân quận Sơn Trà;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Trọng Danh

